PHÁP GIỚI THỨ ĐỆ SƠ MÔN

QUYỂN HẠ (PHẦN 2)

47. MỘT TRĂM LẼ TÁM TAM MUỘI: Số một trăm lẻ tám rất nhiều không thể nêu đủ dưới đây. Kế mười dụ mà luận một trăm lẻ tám Tam-muội. Nếu Bồ-tát khéo dùng mười dụ khai mở cho tâm hiểu thì mười tám không quán sở tu tự nhiên sáng tỏ. Dùng không tuệ đó mà chiếu các thiền định, các thứ pháp môn vô nhiễm vô trước thì hay sinh ra một trăm lẻ tám Tam-muội của Bồ-tát và các Tam-muội bất động của chư Phật v.v... một trăm thì có hai mươi, cho đến vô lượng Tam-muội, đối với Tam-muội mà du hí tự tại. Các Tam-muội ấy chẳng thể nghĩ bàn, Nhị thừa chẳng có. Nay một trăm lẻ tám thứ này cho đến vô lượng gọi chung là Tam-muội. Tam-muội cũng đồng với dịch ở trước, chỉ Thủ-lăng-nghiêm, v.v... một trăm lẻ tám cảnh giới thể dụng rất mầu nhiệm rộng sâu, cho nên kết đây nói. Nay trong một trăm lẻ tám Tam-muội này danh tướng đã nhiều đâu thể nói đủ. Nếu muốn biết khắp thì phải tìm đọc luận Đại Trí Độ.

1. Tam-muội Thủ-lăng-lghiêm. Thủ-lăng-nghiêm, đời Tần dịch là Kiện tướng, phân biệt biết các hạnh Tam-muội tướng có nhiều ít, cạn sâu, như đại Tướng biết các binh lực nhiều ít. Bồ-tát được Tam-muội ấy thì các ma phiền não và ma quân không thể phá hoại. Thí như vua Chuyển luân đứng đầu chủ các binh tướng báu, đi ở chỗ nào cũng không thể phá hoại, hàng phục được, nên gọi là Tam-muội Kiện Tướng.

2. Tam-muội Bảo Ấn. Bảo Ấn Tam-muội có công năng ấn chứng các Tam-muội. Trong các thứ báu, của báu pháp bảo là báu bậc nhất. Đời nay, đời sau cho đến Niết-bàn có công năng làm lợi ích. Như Phật bảo các Tỳ-kheo: vì các thầy nói pháp đó gọi là pháp ấn, pháp tức là thật, ấn tức là môn giải thoát. Như Tam Tạng giáo môn dùng ba pháp làm pháp ấn. Như giáo môn Ma-ha-diễn chỉ có một pháp ấn là thật tướng các pháp, cùng thật tướng Bát-nhã tương ưng với Tam-muội, nên gọi là Tam-muội Bảo Ấn.

3. Tam-muội Sư Tử Duy Hý: Bồ-tát được Tam-muội này, đối với

tất cả Tam-muội ra vào nhanh chậm đều được tự tại. Ví như các thú khi chơi giỡn nếu thấy sư tử thì đều sợ hãi. Sư tử khi đùa giỡn gặp các thú, con mạnh thì giết, con chịu phục thì thả. Bồ-tát cũng giống như thế. Được Tam-muội ấy đối với các ngoại đạo, kẻ mạnh thì phá, kẻ tin theo thì độ. nên gọi là Tam-muội Sư Tử Du (Hý). Một trăm lẻ bốn Tam-muội sau cũng phải như thế, xuất xứ từ luận Đại Trí Độ. Nếu muốn biết thì phải tìm đọc luận ấy.

Một trăm lẻ tám Tam-muội Ly Trước Hư Không Bất Nhiễm. Tam-muội Ly Trước Hư Không Bất Nhiễm là Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, quán các pháp đều rốt ráo không, chẳng sinh chẳng diệt như hư không, không có vật nào để dụ. Bồ-tát độn căn mê đắm hư không này, được Tam-muội này cho nên lìa đắm các pháp như hư không, v.v..., cũng chẳng nhiễm trước. Tam-muội ấy như người chìm trong sình có người kéo ra, trói chân bắt làm tôi tớ. Có Tam-muội lìa trước hư không mà lại tự mê đắm Tam-muội này cũng giống như thế. Nay Tam-muội ấy lìa đắm hư không cũng tự lìa trước. Nên gọi là Tam-muội Ly Trước Hư Không Bất Nhiễm. Như thế chư Phật Bồ-tát vô lượng không thể nghì bàn các Tam-muội, trong ấy phải nêu đủ (tên gọi), lược giải thích tướng của nó. Việc ấy, v.v... rộng nói trong các pháp môn khác.

48. NĂM TRĂM ĐÀ LA NI:

Số năm trăm rất nhiều không thể nêu hết ở sau. Kế các Tam-muội là nói về Đà-la-ni. Nếu y theo luận mà giải thích Tam-muội thì chỉ là tâm tương ưng với pháp Đà-la-ni, hoặc tâm tương ưng, hoặc chẳng tương ưng, cho nên khác với Tam-muội, như kinh Pháp Hoa chép: Tam-muội Phổ hiện sắc thân cũng là Đà-la-ni hiểu biết tiếng nói của tất cả chúng sinh, dùng Tam-muội Đà-la-niết-bàn, đã là pháp thành tựu lẫn nhau, nên kế đây sẽ nói. Năm trăm Đà-la-ni này, Đà-la-ni là tiếng Tây Trúc, Hán dịch là Năng Trì hoặc Năng Giá. Năng trì là tập các pháp lành, chẳng để tan mất. Ví như chiếc bình còn nguyên đựng đầy nước, nước chẳng rò rỉ. Năng giá là bất thiện căn xuất ác sinh ra thì ngăn ngừa không cho khởi, nên gọi là Năng giá. Lại dịch là Tổng trì, là tùy có tên hoặc nghĩa, hoặc hạnh địa công đức đều trì được, nên gọi là Tổng trì. Nay năm trăm thứ này đều có nghĩa Trì giá, Tổng trì, nên gọi chung là Đà-la-ni. Đà-la-ni nói lược thì có năm trăm, nói rộng thì có tám mươi bốn ngàn cho đến vô lượng đều là pháp môn chư Phật có được, Bồ-tát, danh nghĩa đều chẳng chung với Nhị thừa. Nay y theo luận Đại Trí Độ mà lược nói Đà-la-ni để thành năm trăm thứ đệ chương môn. Danh nghĩa rất nhiều đâu thể nêu

đủ.

1. Văn trì Đà-la-ni. Người được Đà-la-ni này thì lời nói và các pháp mà tai nghe qua đều không quên. Đó là chư Phật mười phương và các đệ tử có giảng nói điều gì khi nghe qua liền nhớ mãi không quên, nên gọi là Văn trì Đà-la-ni, thuộc về danh trì.

2. Phân biệt Đà-la-ni. Được Đà-la-ni này thì các pháp chúng sinh lớn nhỏ tốt xấu phân biệt đều biết, nên gọi là Phân biệt Đà-la-niết-bàn, thuộc về nghĩa trì.

3. Nhập âm thinh Đà-la-ni. Được Đà-la-ni này thì nghe tất cả âm thanh tiếng nói chẳng mừng chẳng giận. Tất cả chúng sinh trong số kkiếp nhiều như số cát sông Hằng dùng lời mắng chửi hung ác thì tâm cũng không hờn ghét. Tất cả chúng sinh số kiếp nhềiu như sông Hằng dùng các thứ khen ngợi cúng dường thì tâm cũng không động không mừng không đắm trước. Ấy là Nhập Âm Thinh Đà-la-ni, tức là hành trì. Lại có Tịch diệt Đà-la-ni, Vô biên Đà-la-ni, Oai đức Đà-la-ni, Tùy địa quán Đà-la-ni, Hoa Nghiêm Đà-la-ni, Hư không tạng Đà-la-ni, Hải tạng Đà-la-ni, Phân biệt chư pháp Đà-la-ni, Minh chư pháp nghĩa Đà-la-niết-bàn, v.v.... Như thế nói lược cho đến năm trăm Đà-la-ni, nói rộng thì có vô lượng Đà-la-ni.

49. BỐN NHIẾP: là bố thí, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự.

Kế Đà-la-ni là nói về bốn nhiếp. Nếu Bồ-tát bên trong đủ các Tam-muội, tự hành đã đủ thì bên ngoài phải dẫn dắt các hàm thức cùng được đạo như mình. Nhưng vệic lợi vật, rộng giúp của Đại sĩ không gì bằng bốn Tâm vô lượng và bốn nhiếp. Chỉ bốn Tâm vô lượng thì danh mục trước đã nói, đâu cần nói lại. Còn bốn nhiếp thì khéo léo dắt dẫn nên kế dây sẽ nói. Nói bốn nhiếp, chúng sinh có tình yêu kính tức là bốn pháp này. Nếu Đại sĩ dùng bốn pháp này đồng tình dắt dẫn thì người mọi đều nường về. Nếu chúng sinh nương cậy thì mới dắt dẫn đến Chánh đạo Đại thừa mà độ thoát. Cho nên trước phải dùng móc mà kéo, rồi mới khiến vào Phật đạo.

1. Bố thí nhiếp: Bồ-tát dùng tâm không buông bỏ mà thực hành hai thứ bố thí, năng nhiếp chúng sinh: Một là thí tài; hai là thí pháp. Nếu chúng sinh ưa tiền của thì dùng thí tài mà nhiếp lấy. Nếu chúng sinh ưa pháp thì dùng pháp mà nhiếp. Vì hai thứ bố thí đem lại lợi ích tất cả chúng sinh thường mong mỏi lợi. Do đó mà sinh tâm thân ái, tùy học đạo được trụ vào chân lý, nên gọi là Đàn bố thí nhiếp. Hai là tướng thí lược như đã phân biệt trong đàn Ba-la-mật,

2. Ái ngữ nhiếp: Nếu Bồ-tát khéo dùng lời nói êm ái dịu dàng thuận theo tất cả căn tánh, an ủi khai mở thì tất cả chúng sinh đều ưa nghe, do đó mà sinh tâm thân ái nên nương vào Bồ-tát học đạo mà được trụ vào chân lý, nên gọi là Ái ngữ nhiếp.

3. Lợi hành nhiếp: Bồ-tát tùy khởi làm thân, miệng, ý, khiến cho tất cả đều được lợi ích, chúng sinh đã mong thắng lợi thì vui mừng được lợi. Do đó mà sinh tâm thân ái nên nương cậy học đạo mà được chân lý, nên gọi là Lợi hành nhiếp.

4. Đồng sự nhiếp: Bồ-tát dùng pháp nhãn thấy rõ căn duyên chúng sinh nên tất cả đều vui theo, tức là phân tán hình ảnh khắp hòa với chúng sinh, đồng làm sự nghiệp ấy khiến đều lợi ích. Đã khéo léo đồng sự (cùng làm việc) do đó mà sinh tâm thân ái nên nương cậy học đạo mà được Niết-bàn, nên đồng sự ích vật gọi là nhiếp.

50. SÁU PHÁP HÒA KỈNH: 1. Đồng giới; 2. Đồng kiến; 3. Đồng hạnh; 4. Thân từ; 5. Khẩu từ; 6. Ý từ.

Kế bốn nhiếp là nói về sáu hòa kỉnh. Bồ-tát đã khéo dùng bốn pháp đồng tình mà nhiếp hóa chúng sinh để thành tựu, cho nên phải cùng ở lâu dài, nếu chẳng hòa đồng ái kính thì cả hai chẳng hòa hợp, ắt chẳng được thành tựu Bát-nhã. Ấy là việc ma, nếu khéo dùng sáu Hòa thì thầm đồng với tất cả, sẽ được thiện từ đầu đến cuối. Cho nên kế bốn nhiếp là nói. Sáu thứ này gọi là hòa kỉnh vì bên ngoài thì đồng với điều thiện của người khác gọi là Hòa, bên trong thì tự khiêm nhường nên gọi là Kỉnh.

1. Đồng giới hòa kỉnh: Bồ-tát thông suốt thật tướng, biết tội chẳng thật có, vì muốn an lập chúng sinh vào lý thật tướng nên dùng giới phương tiện khéo đồng tất cả, trì các giới phẩm không tranh cãi nhau cũng biết chúng sinh đồng thiện giới này, chẳng đoạn chẳng thường, ở vị lai sẽ được quả Bồ-đề, vì thế kính như Phật, nên nói Đồng giới là hòa kỉnh.

2. Đồng kiến hòa kỉnh: Bồ-tát thông suốt thật tướng, chẳng được các pháp, chẳng thấy chẳng biết, vì muốn an lập chúng sinh trong thật tướng chánh kiến nên phương tiện khéo đồng tất cả các thứ tri kiến, không tranh cãi nhau. Cũng biết chúng sinh do tri kiến này phân biệt tăng thêm (hiểu biết) sẽ được chủng trí viên minh, cho nên kính như Phật, vì vậy nói Đồng kiến là hòa kỉnh.

3. Đồng hạnh hòa kỉnh. Bồ-tát thông suốt thật tướng vô niệm vô hạnh, vì muốn an lập chúng sinh vào thật tướng chánh hạnh, phương

tiện khéo đồng tất cả, tu các thứ hạnh, không tranh cãi nhau, cũng biết chúng sinh đồng các hạnh này, dần dần chứa nhóm công đức đều sẽ thành Phật đạo. Vì thế kính như Phật, cho nên nói Đồng hạnh là hòa kỉnh.

4. Thân từ hòa kỉnh. Bồ-tát trụ vào Vô duyên đại bình đẳng từ, vì tu thân từ năng lực gốc lành, có khả năng không khởi diệt định, hiện các oai nghi, đêm đến niềm vui cho tất cả, nên thân chín hòa đồng đường. Cũng biết chúng sinh được vui ở trước đều có Phật tánh, ở vị lai chắc chắn sẽ được thân Kim cương, vì thế kính đồng như Phật. Cho nên nói thân từ hòa kỉnh.

5. Khẩu từ hòa kỉnh. Bồ-tát dùng đại Từ Vô duyên bình đẳng để tu Khẩu, từ năng lực gốc lành có khả năng không khởi diệt định, khắp phát ra tất cả âm thanh lời nói mà ban cho tất cả đều vui, cho nên khẩu (miệng) hòa đồng với chín đường. Cũng biết chúng sinh được vui ở trước có Phật tánh. Ở vị lai chắc chắn sẽ được khẩu nghiệp Vô thượng, vì thế kính như Phật. Cho nên nói Khẩu từ hòa kỉnh.

6. Ý từ hòa kỉnh. Bồ-tát tâm thường ở trong Tam-muội Vô duyên từ, vì tu về Ý, nhờ năng lực gốc từ thiện có khả năng chẳng khởi Từ định, hiện các tâm ý, ban vui chúng sinh, cho nên hòa đồng với chín đường. Cũng biết chúng sinh trước được vui, đều có Phật tánh, Lý Như Lai tạng, ở vị lai chắc chắn được tâm như tâm Phật, vì thế kính như Phật. Cho nên nói Ý từ hòa kỉnh.

51. TÁM THỨ BIẾN HÓA: 1. Có khả năng hiện nhỏ; 2. Hiện lớn; 3. Có khả năng nhẹ; 4. Có khả năng làm tự tại; 5. năng có chủ; 6. Có khả năng đến xa; 7. Làm rung chuyển mặt đất; 8. Hay tùy ý làm.

Kế sáu hòa kỉnh mà nói tám thứ biến hóa. Bồ-tát khéo trụ trong pháp hòa kỉnh thì cùng tất cả cũng như nước và sữa. Tâm chúng sinh đã thân ái cho nên dễ hóa độ. Nếu muốn sinh vật tin ít có, thì phải hiện Đại thần thông, Đại thần thông tức là sáu thần thông (đã nói ở trước, nay chẳng nói lại) chỉ cho tám biến hóa có dụng tự tại, lợi vật công sâu, Nhị thừa chẳng thể biết được, cho nên kế là nói hòa kỉnh. Tám thứ này gọi chung là biến hóa. Tên biến hóa đồng với mười bốn thứ trước không nhọc giải thích lại, mà tám thứ lực dụng tự tại khéo léo, người Nhị thừa không có được. Vì thế mà nói riêng, nên trong kinh Đại Niết-bàn dùng tám pháp này mà giải thích nghĩa của ngã.

1. Có khả năng nhỏ, dùng năng lực biến hóa có thể làm nhỏ thân mình, cũng có thể làm nhỏ thân người, hoặc hóa thành các vật nhỏ ở thế

giới cho đến đều như cát bụi. Ấy là có khả năng nhỏ.

2. Hiện lớn: Dùng năng lực biến hóa có thể làm lớn thân mình, cũng có thể làm nhỏ thân người, hoặc hóa thành các vật rất lớn ở thế giới, cho đến đầy khắp hư không, ấy là có khả năng hiện lớn.

3. Có khả năng làm nhẹ: Dùng năng lực biến hóa có thể làm nhẹ thân mình cũng làm nhẹ thân người, hoặc làm các vật nhẹ ở thế giới cho đến đều nhẹ như lông chim hồng. Ấy là có khả năng làm nhẹ.

4. Làm tự tại: Dùng năng lực biến hóa hay lấy lớn làm nhỏ, lấy nhỏ làm lớn, dài làm ngắn, ngắn làm dài, trong các thứ như thế v.v... có khả năng làm tự tại.

5. Làm có chủ. Dùng năng lực biến hóa hóa thành đại nhân, tâm không thấp kém, hàng phục tất cả, nhiếp thọ tất cả. Đối với tất cả chúng sinh được tự tại. Nên gọi là có chủ.

6. Có khả năng đến xa. Dùng năng lực biến hóa cho nên có khả năng đến xa. Có bốn thứ: Một là đến xa; hai là mất đây hiện kia; ba là dời xa khiến gần, chẳng đi mà đến; bốn là một niệm đến khắp mười phương. Ấy là đến xa.

7. Làm rung chuyển mặt đất: Dùng năng lực biến hóa khiến cho đất bằng rung chuyển sáu cách, và mười tám cách rung chuyển, nên gọi là làm rung chuyển.

8. Tùy ý muốn đều làm được: Dùng năng lực biến hóa mà có được một thân thành nhiều thân, khiến nhiều thân thành một thân, vách đá đều qua được, đi trên nước, bay trong như không, tay nắm mặt trăng mặt trời, chuyển được bốn đại, đất thành nước, nước thành đất, lửa làm gió, gió làm lửa, đá làm vàng, vàng làm đá. Ấy là tùy ý muốn làm gì đều được. Như Niết-bàn nói tám tự tại, có khác ít mà đồng nhiều.

52. BỐN VÔ NGẠI BIỆN: 1. Nghĩa vô ngại trí; 2. Pháp vô ngại trí; 3. Từ vô ngại trí; 4. Lạc thuyết vô ngại trí.

Kế tám biến hóa là nói về bốn Vô ngại trí. Nếu Bồ-tát hiện các thứ thần thông biến hóa thì người thấy đều sẽ tin phục. Chúng sinh đã khởi kính tin. Nếu muốn mở bày Đại đạo thì phải có vô ngại biện tài, cho nên kế là nói tám thứ biến hóa. Bốn thứ này gọi là bốn Vô ngại trí. Vì Bồ-tát đối với bôn pháp này trí tuệ nhanh lẹ, phân biệt rõ ràng, thông suốt không dính mắc, nên gọi là trí vô ngại.

1. Nghĩa vô ngại trí. Biết nghĩa các pháp rõ ràng thấu suốt không dính mắc. Ấy là nghĩa vô ngại trí. Lại biết tất cả nghĩa đều nhập vào nghĩa thật tướng, cũng gọi là Nghĩa vô ngại trí.

2. Pháp vô ngại trí. Pháp là gọi tất cả nghĩa, danh tự là biết tất cả nghĩa. Cho nên trí tuệ thông suốt danh tự các pháp, phân biệt không trệ ngại nên gọi là pháp ngại trí. Lại có khả năng dùng pháp vô ngại trí phân biệt ba thừa mà không hoại pháp tánh. Đối với lời nói danh tự đều không chấp, không dính mắc. Cũng là Pháp vô ngại trí.

3. Từ vô ngại trí. Dùng lời nói mà nói nghĩa danh tự các thứ trang nghiêm. Nói năng tùy theo sự thích ứng khiến cho được hiểu. Nói tất cả chúng sinh khác địa phương, khác ngôn ngữ, hoặc một tiếng, hai tiếng, nhiều tiếng, lời lược lời rộng, tiếng nam tiếng nữ, tiếng ở quá khứ vị lai hiện tại, các thứ tiếng nói như thế giúp cho được hiểu, luận bàn vô ngại, tất cả người nghe đều hiểu lời nói. Ấy là Từ vô ngại trí.

4. Lạc thuyết vô ngại trí. Bồ-tát đối với một chữ nói được tất cả chữ, trong một lời nói được tất cả lời, trong một pháp nói được tất cả pháp. Các pháp nói ra đều chân thật, đều tùy được độ mà có ích lợi. Gọi đó là mười hai bộ kinh, tám mươi bốn ngàn pháp tạng, tùy tất cả căn tánh chúng sinh thích nghe pháp mà giảng nói khéo hợp cơ duyên nói năng, không trệ ngại, người nghe không nhàm chán. Bồ-tát dùng năng lực ưa nói luận mà ở đời nửa kiếp cho đến vô lượng kiếp nói luận vô tận, rộng lợi ích tất cả. Không có mười câu nào sai cơ, nên gọi là Lạc thuyết vô ngại trí.

53. MƯỜI LỰC gồm: 1. Xứ phi xứ lực; 2. Nghiệp lực; 3. Định lực; 4. Căn lực; 5. Dục lực; 6. Tánh lực; 7. Chí xứ đạo lực; 8. Túc mạng lực; 9. Thiên nhãn lực; 10. Lậu tận lực.

Kế bốn vô ngại trí là nói về mười lực, ở trên nói phần nhiều là sở đắc của Bồ-tát pháp Tự hành hóa tha. Nay muốn nói chỗ được của chư Phật về các pháp môn tự hành hóa tha. Cho nên kế nói pháp mười lực Bất cộng v.v.... Mười thứ này gọi là lực, là sở đắc của chư Phật Trí dụng như thật, thông suốt tất cả, sáng tỏ rõ ràng, không thể hoại, không thể hơn, nên gọi là Lực. Đại Bồ-tát cũng được một phần trí lực này, chỉ so với Phật là yếu kém nên được tên gọi.

1. Xứ phi xứ lực. Phật biết nhân duyên của tất cả các pháp, định tướng quả báo, từ nhân duyên đó sinh ra quả báo như thế, từ nhân duyên đó chẳng sinh ra quả báo như thế, nếu nghiệp ác mà nhận được quả vui thì không có việc đó. Nghiệp ác còn chẳng được vui thế gian huống chi là vui xuất thế gian. Làm ác mà sinh lên cõi trời thì không có việc đó. Làm ác còn chẳng được sinh lên cõi trời huống chi là Niết-bàn. Năm thứ cái che tâm, tán loạn tuy tu bảy giác mà được Niết-bàn thì không có

việc đó, năm thứ cái che tâm tuy tu bảy giác còn chẳng được đạo Thanh văn. Tâm chẳng che đậy Phật đạo còn thành, huống chi là đạo Thanh văn. Các thứ như thế là chỗ hay không phải chỗ thì Phậtđều biết, không thể phá hoại không thể hơn, đó là năng lực thứ nhất.

2. Nghiệp lực: Phật biết tất cả chúng sinh quá khứ, vị lai, hiện tại, các nghiệp các thọ. Biết chỗ tạo nghiệp, biết nhân duyên, biết quả báo thảy đều biết hết, không thể hoại, không thể hơn là năng lực thứ hai.

3. Định lực: Phật biết tất cả các thiền định giải thoát Tam-muội, phân biệt tướng cấu tịnh, biết khắp như thật, không thể hoại không thể hơn, là năng lực thứ ba.

4. Căn lực: Phật biết tướng các căn trên dưới của các chúng sinh khác, biết khắp như thật, không thể hoại, không thể hơn, là năng lực thứ tư.

5. Dục lực. Phật biết các dụng của chúng sinh khác, biết khắp như thật không thể hoại, không thể hơn, là năng lực thứ năm.

6. Tánh lực: Phật biết các thứ vô số tánh ở thế gian, biết khắp như thật không thể hoại, không thể hơn, là năng lực thứ sáu.

7. Chí lực đạo lực: Phật biết tất cả tướng đạo chí xứ, biết khắp như thật, không thể hoại, không thể hơn, là năng lực thứ bảy.

8. Túc mạng lực: Phật biết các thứ Túc mạng, tướng chung, nhân duyên chung, một đời hai đời, cho đến trăm ngàn đời kiếp mới cùng. Ta ở trong chúng sinh ấy có tên họ như thế, ăn uống khổ vui, thọ mạng dài ngắn. Chết ở cõi đó sinh đến cõi này, chết ở cõi này lại sinh ở cõi kia. Sinh ở cõi này thì tên họ, ăn uống, khổ vui, tuổi thọ dài ngắn cũng như thế, biết khắp như thật, không thể hoại, không thể hơn, là năng lực thứ tám.

9. Thiên nhãn lực. Thiên nhãn Phật thanh tịnh hơn mắt người, thấy chúng sinh khi chết, khi sống, đẹp đẽ, xấu xí, hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc đường ác, đường hoặc sinh đường lành, nghiệp nhân duyên thọ báo như thế. Các chúng sinh ấy do thân, miệng, ý ác mà thành tựu, do nghiệp tà kiến chê bai bậc Thánh mà thành tựu. Vì nhân duyên ấy, khi thân chết rồi bị đọa vào đường ác, rơi vào địa ngục. Thấy các chúng sinh thân miệng ý nghiệp lành thành tựu, do nghiệp chánh kiến không chê bai bậc Thánh thành tựu. Vì nhân duyên ấy, khi thân chết rồi được vào đường lành, sinh lên cõi trời. Biết khắp như thật, không thể phá hoại, không thể hơn, là năng lực thứ chín.

10. Lậu tận lực. Chư Phật các lậu đã hết nên tâm vô lậu giải thoát, trí tuệ vô lậu giải thoát. Trong pháp hiện tại tự biệt sự sinh tử của mình

đã hết, trì giới đã lập, chẳng còn thọ thân hậu hữu, biết khắp dứt hết như thật, không thể hoại, không thể hơn, là năng lực thứ mười.

54. BỐN VÔ SỞ ÚY là: 1. Nhất thiết trí vô sở úy; 2. Lậu tận vô sở úy; 3. Thuyết chướng đạo vô sở úy; 4. Thuyết tận khổ đạo vô sở úy.

Kế mười lực là nói về bốn Vô Sở Úy. Trí mười lực của chư Phật bên trong đầy đủ, hiểu rõ quyết định, duyên ngoài mà không sợ. Cho nên kế nói mười lực, ý rất dễ thấy. Bốn thứ này gọi chung là vô sở úy. Ở trong tám chúng rộng nói Trí mình người đã dứt đã quyết định không lỗi nên không có một sợ sệt nhỏ nào, nên gọi là Vô sở úy.

1. Nhất thiết trí vô sở úy. Phật răng dạy rằng Ta là (bậc) Nhất thiết chánh trí. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào, hoặc trời, hoặc ma, hoặc phạm, hoặc các chúng khác nói như thật là chẳng biết pháp ấy, cho đến chẳng thấy, là tướng sợ sệt nhỏ. Vì thế ta được an ổn, được không sợ sệt hãi, an trụ vào chỗ Thánh chủ. Như trâu đầu đàn ở giữa đại chúng gầm thét tiếng sư tử thì chuyển được phạm luân, các Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc Ma, hoặc Phạm, hoặc các chúng khác thật chẳng thể chuyển, là Vô sở úy thứ nhất.

2. Lậu tận vô sở úy. Phật dạy rằng: Ta đã hết tất cả lậu. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Trời, hoặc Ma, hoặc Phạm, hoặc các chúng khác nói như thật là các lậu chưa hết cho đến chẳng thấy một tướng sợ nhỏ. Vì thế ta được an ổn, được vô sở úy an trụ vào chỗ Thánh chủ. Như trâu đầu đàn ở giữa đại chúng gầm thét tiếng sư tử thì sẽ chuyển được phạm luân, các Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc các chúng khác thật chẳng thể chuyển, là vô úy thứ hai.

3. Nói chướng đạo vô sở úy. Phật dạy rằng: Ta nói chướng pháp hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Trời, hoặc Ma, hoặc Phạm, hoặc các chúng khác nói như thật thọ là chướng pháp, chẳng chướng đạo, cho đến chẳng thấy tướng sợ nhỏ này. Vì thế nên ta được an ổn, được vô sở úy. An trụ vào chỗ Thánh chủ, như trâu đầu đàn ở giữa đại chúng gầm thét tiếng sư tử thì sẽ chuyển được phạm luân. Các Sa-môn Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc các chúng khác thật chẳng thể chuyển, là vô sở úy thứ tư.

55. MƯỜI TÁM PHÁP BẤT CỘNG: 1. Thân không lỗi; 2. Miệng không lỗi; 3. Niệm không lỗi; 4. Vô dị tưởng; 5. Không có tâm bất định; 6. Đều biết mình xả; 7. Dục không giảm; 8. Tinh tấn không giảm; 9. Niệm không giảm; 10. Tuệ không giảm; 11. Giải thoát không giảm; 12.

Giải thoát tri kiến không giảm; 13. Tất cả thân nghiệp làm theo trí tuệ; 14. Tất cả khẩu nghiệp làm theo trí tuệ; 15. Tất cả ý nghiệp làm theo trí tuệ; 16. Trí tuệ biết đời quá khứ vô ngại; 17. Trí tuệ biết đời vị lai vô ngại; 18. Trí tuệ biết đời hiện tại vô ngại.

Kế bốn vô sở úy là nói về mười tám pháp Bất cộng. Chư Phật, trí mười lực bên trong đầy đủ, đức Vô Úy bên ngoài hiển bày. Cho nên có tất cả công đức trí tuệ vượt quá vật biểu, không chung với thế gian, muốn cho khác với chỗ được của tất cả phàm Thánh, cho nên kế đây nói. Mười tám thứ này gọi chung là Bất cộng, là pháp cực địa, chẳng chung với phàm phu, Nhị thừa, và các Bồ-tát, nên gọi là Bất cộng.

1. Thân không lỗi: Phật từ vô lượng kiếp đến nay thường dùng giới, định, trí tuệ Từ bi để tu thân. Các công đức này đầy đủ sẽ cứu hết các tôi căn bản, nghĩa là tất cả bất thiện, năm trụ phiền não và các tập khí đều hết. Tất cả thân nghiệp làm theo trí tuệ, nên thuộc về thân không lỗi.

2. Miệng không lỗi: Nhân duyên không lỗi, như thân không lỗi ở trên đã nói.

3. Niệm không lỗi: Phật bốn tâm niệm xứ, trọn đời khéo tu. Khéo tu các thiền định sâu xa, tâm không tán loạn nên khéo dứt dục ái và pháp ái. Đối với các pháp tâm không mê đắm (dính mắc) được chỗ an ổn bậc nhất. Tất cả ý nghiệp đều làm theo trí tuệ. Nên niệm không lỗi.

4. Vô dị tưởng (không có tưởng khác). Phật đối tất cả chúng sinh không phân biệt, không tưởng xa gần, khác lạ, mà bình đẳng độ khắp, tâm không chọn lựa, như mặt trời mọc thì chiếu khắp muôn vật. Ấy là Vô dị tưởng.

5. Vô bất định tâm: Tâm Phật tất cả loạn động nhỏ nhặt đều lìa hết, thường ở trong thiền định đều là tâm định.

6. Vô bất tri Dĩ xả (biết mình đã xả). Phật đối với tất cả pháp đều chiếu biết mới xả. Không có pháp nào chẳng qua tâm biết mà xả. Cho nên gọi là biết mình đã xả.

7. Dục không giảm. Phật biết ân pháp lành tuy đủ các điều lành mà thường muốn tu tập các pháp lành. Muốn độ tất cả nên tâm dục không giảm, không thỏa mãn nên dục không giảm. Ví như vua Chuyển luân có ngựa báu, tuy một ngày đi khắp bốn thiên hạ mà ý dạo khắp chẳng thỏa mãn.

8. Tinh tấn không giảm: Hai thứ của Phật thân tâm tinh tấn đầy đủ, thường độ tất cả không hề dừng nghỉ, nên gọi là Tinh tấn không

giảm.

9. Niệm không giảm. Phật đối với pháp của chư Phật ba đời, tương ưng với tất cả, trí tuệ luôn đầy đủ không giảm sút, nên gọi là Niệm không giảm

10. Tuệ không giảm. Phật được tất cả trí tuệ, mười lực bốn vô sở úy, bốn trí vô ngại v.v.... thành tựu viên cực nên gọi là Tuệ không giảm.

11. Giải thoát không giảm. Phật đủ hai thứ giải thoát nên gọi là Giải thoát không giảm. Hai thứ đó gồm: Một là giải thoát hữu vi, tức là trí tuệ vô lậu tương ưng với giải thoát; hai là giải thoát vô vi nghĩa là tất cả phiền não đều dứt hết không sót.

12. Giải thoát tri kiến không giảm: Phật đối với tất cả giải thoát thấy biết rõ ràng, nên gọi là giải thoát tri kiến không giảm. Đó gọi là Hữu vi giải thoát. Còn giải thoát Vô vi, giải thoát Thời, giải thoát Bất thời, giải thoát Tuệ, giải thoát câu, giải thoát Bất hoại, Tám giải thoát, giải thoát Bất tư nghị, giải thoát Vô ngại, Phân biệt các tướng giải thoát bền chắc là Giải thoát tri kiến không giảm

13. Tất cả thân nghiệp làm theo trí tuệ. Phật trước biết sau mới Từ biết mà khởi tất cả thân nghiệp, cho nên chỗ hiện ra đều là Phật sự, lợi ích tất cả, nên gọi là Thân nghiệp làm theo trí tuệ.

14. Tất cả khẩu nghiệp làm theo trí tuệ. Giống như Thân nghiệp làm theo trí tuệ đã nói trên.

15. Tất cả ý nghiệp làm theo trí tuệ. Giống như Thân nghiệp làm theo trí tuệ đã nói trên.

16. Trí tuệ biết đời quá khứ vô ngại. Trí tuệ Phật chiếu soi biết rõ đời quá khứ cùng tột bờ quá khứ, tất cả những gì là pháp chúng sinh hoặc không phải pháp chúng sinh, đều biết khắp vô ngại.

17. Trí tuệ biết đời vị lai vô ngại: Trí tuệ của Phật chiếu soi biết rõ đời vị lai, cùng tột bờ vị lai tất cả những gì là pháp chúng sinh, hoặc không phải pháp chúng sinh, đều biết khắp vô ngại.

18. Trí tuệ biết đời hiện tại vô ngại. Trí tuệ của Phật chiếu soi biết rõ đời hiện tại, cùng tột bờ hiện tại tất cả những gì là pháp chúng sinh, hoặc không phải pháp chúng sinh, đều biết khắp vô ngại.

56. ĐẠI TỪ ĐẠI BI là: 1. Đại Từ; 2. Đại Bi.

Kế mười tám Bất cộng pháp là nói về Đại Từ Đại Bi. Chư Phật đều được mười tám pháp Bất cộng, thường ở trong Đại Từ đại Bi. Năng lực gốc lành Từ bi huân khắp ba nghiệp, hiện khắp các thế giới ở mười

phương mà làm Phật sự, lợi ích tất cả. Cho nên kế nói, nói Từ bi tuy đồng với bốn vô lượng nhưng thể nó có khác, không phải cùng loại, cho nên đến cực quả thì mới được gọi tên là Đại.

1. Đại Từ: Phật trụ trong Tâm đại Từ, dùng năn lực gốc lành Đại Từ mà ban cho tất cả chúng sinh niềm vui thế gian và niềm vui xuất thế gian. Nên nói là từ ban cho vui. Còn Từ trong bốn Tâm vô lượng là tuy tâm nghĩ cho vui mà chúng sinh thật chưa được vui, nên chẳng gọi là Đại. Có hai thứ cho vui: Một là trụ vào Tam-muội Đại Từ, từ lực ngầm huân, tùy chỗ chúng sinh đáng được vui đều được an vui; hai là từ năng lực Tam-muội, hiện khắp ba nghiệp, tùy chỗ chúng sinh đáng được vui thấy nghe hiểu biết thì đều được an vui. Nên gọi là Đại Từ, tức là thân Như ý châu vương.

2. Đại Bi: Phật trụ trong tâm Đại Bi, dùng năng lực Đại Bi gốc lành thật cứu khổ thế gian của tất cả chúng sinh, là khổ sinh tử phần đoạn và khổ sinh tử biến dịch. Cho nên nói Bi năng cứu khổ. Bi trong bốn Tâm vô lượng ở trước, tuy tâm nghĩ cứu khổ mà chúng sinh thật chưa được thoát khổ nên chẳng gọi là Đại Bi. Có hai thứ cứu khổ, ý đồng với trong Đại Từ đã phân biệt, chỉ có cứu khổ là khác (thứ kia là ban vui) nên gọi là Đại, tức là Thân Dược Thọ Vương.

57. BA MƯƠI HAI TƯỚNG. Ba mươi hai tướng danh mục rất nhiều không thể nêu hết.

Kế Đại Từ Đại Bi là nói về bốn khoa: ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, tám âm và ba niệm xứ. Còn nói về Pháp thân vắng lặng há có hình tiếng, tâm thức để thấy nghe được ư? Chỉ dùng năng lực Đại Từ bi tùy chỗ đáng thấy căn cơ ba nghiệp thanh tịnh, mà được vui hết khổ, liền hiện tướng tốt đoan nghiêm và diệu âm thanh bình, đẳng ba niệm, và duyên cứu khổ ban vui. Cho nên kế Từ bi là nói về tướng tốt, tám âm, ba niệm xứ. Nay ba mươi hai thứ này gọi là Tướng. Tên tướng có chỗ biểu thị, phát lãm thì có thể khác, gọi đó là tướng. Thể ứng hóa của Như Lai hiện ba mươi hai tướng này để biểu thị Pháp thân, các đức viên cực, khiến người thấy kính yêu, biết là có đức tốt, là bậc tôn quí của trời người, là vua của Thánh chúng, cho nên hiện ba mươi hai tướng. Ba mươi hai tướng: 1. Dưới chân bằng như đáy hộp; 2. Dưới chân có hình bánh xe ngàn căm; 3. Ngón tay ngón chân dài hơn người thường; 4. Tay chân mềm mại hơn người; 5. Giữa các ngón tay ngón chân có màng; 6. Gót chân đầy đặn đẹp đẽ; 7. Mu bàn chân cao đẹp tương xứng; 8. Đùi dài như đùi nai đầu đàn Y-ni-diên; 9. Khi đứng tay dài quá gối;

10. Tướng mã âm tàng như ngựa đầu đàn; 11. Thân cao rộng cân đối; 12. Mỗi lỗ chân lông có mầu xanh mềm mại; 13. Lông xoay về phía phải sắc xanh mềm mại; 14. Thân tướng mầu nhiệm có mầu sáng vàng ròng; 15. (ánh sáng quanh thân) mỗi phía chiếu xa một trượng; 16. Da mỏng trơn láng không dính bụi nước và quyến rũ ruồi muỗi; 17. Dưới bảy chỗ hai chân, hai tay, hai vai và cổ đều đầy đặn; 18. Dưới hai nách đều đầy; 19. Nửa thân trên như sư tử; 20. Thân rất ngay thẳng; 21. Vai tròn đẹp; 22. Bốn mươi răng đầy đủ; 23. Răng trắng khít đều và chân sâu; 24. Bốn răng nanh trắng lớn; 25. Hai mánhư má sư tử; 26. Trong cổ họng nước bọt có mùi thơm; 27. Lưỡi lớn trùm cả mặt đến chân tóc; 28. Phạm âm sâu xa như tiếng Ca-lăng-tần-già; 29. sắc mắt như vàng ròng; 30. Mắt như mắt trâu đầu đàn; 31. Giữa hai đầu chân mày có sợi lông trắng như đâu la miên; 32. Trên đầu có nhục kế.

58. TÁM MƯƠI (VẺ ĐẸP): Tám mươi vẻ đẹp rất nhiều không thể nêu hết dưới đây.

Kế ba mươi hai tướng là nói về tám mươi vẻ đẹp. Cũng đồng với tướng tốt, sắc đẹp ấy đều là trang nghiêm hiển bày thân Phật. Nhưng tướng thì chung, còn (vẻ đẹp) thì riêng. Tướng nếu không có (vẻ đẹp) thì chẳng đầy đủ. Luân Vương Thích Phạm cũng có tướng, vì không có vẻ đẹp nên tướng không mầu nhiệm. Cho nên kế tướng là nói vẻ đẹp. Gọi (vẻ đẹp) là rất ưa thích. vì tám mươi (vẻ đẹp) để (làm đẹp) thân, cho nên trời, người tất cả đều ưa thích, vì vậy gọi là vẻ đẹp. Tức là dùng Từ tu thân nên có thân nghiệp tướng tốt thanh tịnh.

Tám mươi (vẻ đẹp) là: 1. Tướng đảnh vô kiến; 2. Mũi cao đẹp,lỗ không hiện; 3. Chân mày như trăng non có mầu xanh lưu ly; 4. Trái tai dài; 5. Thân săn chắc như Na-la-diên; 6. xương như móc sắt; 7. Thân xoay lại cùng lúc như voi đầu đàn; 8. Khi đi chân cách đất bốn tấc mà có dấu chân; 9. Móng có mầu đồng đỏ mỏng mà sạch; 10. Xương đầu gối chắc chắn tròn đẹp; 11. Thân sạch sẽ; 12. Thân mềm mại; 13. Thân chẳng cong; 14. Ngón chân dài nhọn tròn; 15. Chỉ tay chân ẩn; 16. Mạch máu sâu không hiện; 17. Mắt cá không hiện; 18. Thân thấm đượm; 19. Thân không xiên xẹo; 20. Thân đầy đủ; 21. Dung nghi đầy đủ; 22. Oa nghi đầy đủ; 23. Chỗ ở an ổn không thể động; 24. Oai chấn động tất cả; 25. Tất cả đều thích nhìn; 26. Mặt không dài lớn; 27. Dung mạo chân chánh không có vẻ cau có; 28. Mặt đầy đủ; 29. Mầu môi như quả Tần-bà; 30. Tiếng nói sâu xa; 31. Rún sâu tròn đẹp; 32. Lông xoay bên phải hữu; 33. Tay chân đầy đủ; 34. Tay chân như ý; 35. Chỉ tay rõ ràng; 36.

Chỉ tay dài; 37. Chỉ tay không rối; 38. Tất cả chúng sinh có tâm ác thấy đều vui mừng; 39. Mặt rộng đẹp đẽ; 40. Mặt sạch như trăng rằm; 41. Tùy ý chúng sinh vui hòa mà nói; 42. Lỗ chân lông thoảng ra mùi thơm; 43. Miệng phát ra mùi thơm; 44. Nghi dung như sư tử; 45. Tới lui như voi đầu đàn; 46. Cách đi (hành pháp) như ngổng đầu đàn; 47. Đầu như quả Ma-đầu-na; 48. Tất cả tiếng đầy đủ; 49. Răng nanh trắng bén; 50. Lưỡi mầu đỏ; 51. Lưỡi mỏng; 52. Lông mầu hồng; 53. Lông mềm sạch; 54. Mắt dài rộng; 55. Tướng các lỗ đầy đủ; 56. Tay chân trắng hồng như mầu hoa sen; 57. Rốn không lỗi ra; 58. Bụng không hiện; 59. Bụng nhỏ ; 60. Thân không nghiêng động; 61. Thân vững vàng; 62. Thân lớn; 63. Thân cao; 64. Tay chân mềm sạch trơn láng; 65. Bốn bên thân ánh sáng chiếu xa một trượng; 66. Ánh sáng chiếu thân mà điều lành; 67. Nhìn chúng sinh bình đẳng; 68. Không khinh chúng sinh; 69. Tùy theo âm thanh của chúng sinh không thêm không bớt; 70. Nói pháp không dính mắc; 71. Tùy theo ngôn ngữ của chúng sinh mà nói pháp; 72. Phát âm đáp bằng các âm thanh; 73. Thứ lớp có nhân duyên với pháp; 74. Tất cả chúng sinh không thể quán hết tướng của Phật; 75. Quán sát không thỏa mãn; 76. tóc dài đẹp; 77. Tóc không rối; 78. Tóc xoăn đẹp; 79. Tóc mầu châu xanh; 80. Tay chân có đức tướng.

Kinh Tọa Thiền Tam-muội nói ngực có chữ Đức, tay chân có chữ Cát.

Tám ân thanh gồm: một là rất hay ho, hai là mềm mỏng, ba là điều hòa thích hợp, bốn là tôn trọng trí tuệ, năm là không có giọng nữ, sáu là không lầm lộn, bảy là sâu xa, tám là không cạn kiệt.

Kế tướng tốt là nói về tám âm thanh. Do Phật có tướng tốt trang nghiêm làm cho người thấy phát sinh tâm lành, âm thanh trong trẻo làm cho người nghe kính tin, cho nên kế tướng tốt là nói về tám âm thanh. Tám thông vân âm này là âm thanh giải thích lý, gọi là Âm. Âm thanh do Phật phát ra có sự giải thích, ngôn từ thanh nhã, người nghe không nhàm chán, thỏa mãn, có công năng đem lại niềm vui và nhổ gốc khổ tất cả, chẳng phải như lợi ích nghe âm thanh, tức là dùng từ tu miệng, cho nên có khẩu nghiệp với tám âm thanh tịnh.

1. Âm thanh rất hay ho: Tất cả các trời, Hiền Thánh tuy đều có âm thanh hay ho nhưng nghĩa chưa cùng cực, quả báo Phật viên cực cho nên âm thanh nó ra rất thanh nhã, làm cho người nghe không chán, đều điều lành vào con đường tốt, tốt nhất trong các sự tốt, cho nên gọi là âm thanh rất hay ho.

2. Âm thanh mềm mỏng: Đức của Phật Từ bi hiền thiện, âm thanh

ngài nói ra khéo léo thuận với tâm chúng sinh, khiến cho người nghe vui thích, nghe không thỏa mãn, đều bỏ tâm ngang bướng, tự nhiên điều lành vào luật hạnh, nên gọi là âm thanh mềm mỏng.

3. Âm thanh điều hòa thích hợp: Phật sống trong lý Trung đạo, hạnh giải thung dung, nên âm thanh ngài nói ra điều hòa thích hợp, làm cho người nghe tâm được dung hòa, nhờ âm thanh mà hiểu lý, nên gọi là âm thanh điều hòa thích hợp.

4. Âm thanh tôn trọng trí tuệ: Đức của Phật cao quý, tuệ tâm sáng suốt, nên âm thanh ngài nói ra làm cho người nghe tôn trọng, trí tuệ mở sáng, nên gọi là âm thanh tôn trọng trí tuệ.

5. Âm thanh không có giọng nữ: Phật trụ trong định Thủ-lăng-nghiêm,thường có đức của bậc Thế Hùng, đã xa lìa tâm yếu ớt từ lâu, cho nên âm thanh ngài nói ra khiến cho tất cả người nghe đều kính sợ, thiên ma ngoại đạo thảy đều quy phục, gọi là âm thanh không có giọng nữ.

6. Âm thanh không lầm lộn: Trí Phật tròn sáng, soi rõ không sai lầm nên âm thanh ngài nói ra không có lầm lỗi, làm cho người nghe đều được chánh kiến, lìa chín mươi lăm thứ tài phi, nên gọi là âm thanh không lầm lộn.

7. Âm thanh sâu xa: Trí Phật soi chiếu tận cùng, như như thật tế, hành vi cực cao nên âm thanh ngài nói ra từ rốn mà khởi, suốt đến mười phương, khiến cho người ở gần nghe không lớn, người ở xa nghe không nhỏ, đều ngợ lý sâu xa. Phạm hạnh cao xa, nên gọi là âm thanh sâu xa.

8. Âm thanh không cạn kiệt: Như Lai đã chứng cựa quả, hạnh nguyện vô tận, cho nên ngài trụ trong pháp tạng vô tận, âm thanh nói ra cuồn cuộn không dứt, ảnh hưởng không cạn, khiến cho người nghe tìm tòi ngữ nghĩa vô tận không sót, cho đến thành quả vô tận thường trụ, nên gọi là âm thanh không cạn kiệt.

Ba niệm xứ: 1. Không nhất tâm nghe pháp thì không có gì đáng loại, 2. nhất tâm lắng nghe thì không có gì là vui, 3. Thường thực hành tâm hạnh xả.

Kế tám âm thanh là nói về ba niệm xứ. tám âm thanh vì chúng sinh mà khai diễn chánh pháp, người nghe có thệin ác khác nhau, cho nên có tin hủy, trái thuận khác nhau. Nếu không có đức của ba nệim thì không có sự vui vẻ, lo lắng, cho nên kế tám âm thanh là nói về ba niệm xứ. Ba niệm xứ này là tên chung của Niệm xứ, tâm tuệ ănng duyên gọi là Niệm, lý bình đẳng không thêm bớt, gọi đó là Xứ. Phật dùng tâm

tuệ duyên với lý bình đẳng không thêm không bớt, cho nên trái thuận với người học, tâm không có sự lo lắng, vui mừng, cho nên ba thứ gọi chung là Niệm xứ. Tức là dúng tứ tu ý, hiện bày ý nghiệp bìng đẳng thanh tịnh:

1. Không nhất tâm nghe pháp thì không có gì lo lắng: Trí Phật biết rõ người không nhất tâm nghe pháp, trong pháp giới bình đẳng thì sự giảm bớt lui sụt rốt ráo không thật có, cho nên không có sự lo lắng.

2. Người nghe pháp nhất tâm thì không có gì là vui mừng: Trí Phật biết rõ trong pháp giới bình đẳng của người nghe thì sự tăng tiến rốt ráo không thật có, cho nên không có sự vui mừng.

3. Trường hành tâm xả: Trí Phật biết rõ tất cả chúng sinh tức là Đại niết- bàn, không thể còn diệt nựa, cho nên đối với tất cả nói năng, lợi ích chúng sinh thì thường thực hành tâm xả, cho nên kinh Kim cương Bát-nhã chép: Diệt độ vô lương chúng sinh như thế mà thật không có chúng sinh được diệt độ.